

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-PT

Ngày 13/9/2022

*“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi  
con, cấp dưỡng và nợ chung khi  
ly hôn”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Quang Nhuận.

*Các Thẩm phán:* Ông Phạm Hùng Nuôi.

Ông Nguyễn Văn Dũ.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Anh Thảo, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng:** Bà Nguyễn Thị Thanh Quyên, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 12 và 13 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2022/TLPT-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2022, về *“Tranh chấp ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng và nợ chung khi ly hôn”*.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 10/2022/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 151/2022/QĐ-PT ngày 15 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Ngô Hữu H, sinh năm 1977, địa chỉ: Số .... đường VVK, khóm ..., phường 10, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1981, địa chỉ: Số ... đường NVL, khóm ..., phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Ngô Hữu K, sinh năm 1953 (có mặt).

2. Bà Bùi Thị H, sinh năm 1955 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số .... đường VVK, khóm ..., phường 10, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ông Ngô Hữu K và Bà Bùi Thị H: Ông Nguyễn Viết C, sinh năm 1969, địa chỉ: Số ... đường ..., phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ (có mặt).*

*- Người kháng cáo: Ông Ngô Hữu H, Ông Ngô Hữu K và Bà Bùi Thị H.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là ông Ngô Hữu H trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Ông H và Bà T quen biết nhau, sau đó tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 10, thành phố Sóc Trăng ngày 24/01/2009. Sau khi kết hôn, ông, bà về sống chung với cha mẹ ông H, thời gian đầu hôn nhân vợ chồng rất hạnh phúc, nhưng đến khoảng năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi vã, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không còn hợp nhau, ông H và Bà T đã ly thân từ khoảng tháng 3 năm 2020 cho đến nay. Vì mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được nên ông H yêu cầu được ly hôn với Bà Nguyễn Thị T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông H và Bà T có được 02 người con chung là cháu Ngô Gia Hưng (nam, sinh ngày 18/10/2009) và cháu Ngô Gia Phát (nam, sinh ngày 25/02/2012). Sau khi ly hôn, ông H yêu cầu được nuôi cháu Hưng và không yêu cầu Bà T cấp dưỡng, còn cháu Phát giao cho Bà T nuôi dưỡng và ông H cũng không cấp dưỡng nuôi con. Nếu trường hợp giao 02 con cho Bà T nuôi dưỡng thì ông H cũng không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng sẽ tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Trong thời gian chung sống, ông H và Bà T có mượn của cha mẹ ông H là Ông Ngô Hữu K và Bà Bùi Thị H 03 lần: Vào ngày 22/9/2016 mượn số tiền là 100.000.000 đồng, ngày 10/02/2017 mượn 200.000.000 đồng và ngày 23/4/2018 là 250.000.000 đồng, tổng cộng là 550.000.000 đồng. Khi mượn tiền ông H có làm biên nhận cho cha mẹ ông nhưng không có Bà T ký tên, vì ông H cho rằng ông là trụ cột kinh tế trong gia đình nên ông quyết định không cần cho Bà T phải biết, mặc khác do cha mẹ ông thương con cái sợ vợ chồng ông chịu tiền lãi của Ngân hàng nên đã đóng tiền thanh toán số tiền vay Ngân hàng cho vợ chồng ông là 250.000.000 đồng để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về. Nay ông H yêu cầu chia đôi số nợ chung, mỗi người là 275.000.000 đồng cùng tiền lãi phát sinh.

***Theo đơn yêu cầu phản tố và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là Bà Nguyễn Thị T trình bày:***

Về thủ tục kết hôn, về con chung và tài sản chung thì bà thống nhất theo lời trình bày của ông H. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác tên Nguyễn Thanh Hiền. Nay tại phiên tòa, Bà T không đồng ý ly hôn với ông H vì bà không có lỗi dẫn đến vợ chồng phải ly hôn. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì Bà T yêu cầu được quyền nuôi 02

con theo nguyện vọng của các con và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi mỗi cháu là 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, thì Bà T xin rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung. Về nợ chung thì Bà T không thống nhất với yêu cầu của ông H, vì các lần vay mượn tiền Bà T không có mặt và cũng không có ký tên vào biên nhận, việc ông H vay mượn tiền của cha mẹ ông H là của cá nhân ông nên Bà T không đồng ý liên đới thanh toán số tiền nợ này. Đối với nguồn tiền mua đất, cất nhà là do vợ chồng bà đi làm tích góp có được.

***Trong đơn yêu cầu độc lập và quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bà Bùi Thị H và Ông Ngô Hữu K cùng thống nhất trình bày:***

Bà Bùi Thị H cùng chồng là Ông Ngô Hữu K có cho vợ chồng con trai là ông Ngô Hữu H và con dâu là Bà Nguyễn Thị T vay mượn tiền 03 lần cụ thể: Vào ngày 22/9/2016 mượn số tiền là 100.000.000 đồng, ngày 10/02/2017 mượn là 200.000.000 đồng, tổng số tiền là 300.000.000 đồng là để ông H và Bà T mua đất cất nhà. Đến ngày 23/4/2018, do vợ chồng ông H đang nợ tiền vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc dân Chi nhánh Hậu Giang số tiền là 250.000.000 đồng và có thể chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG672489, do sợ vợ chồng con phải đóng tiền lãi cho Ngân hàng nên vợ chồng Bà H đã bỏ ra số tiền là 250.000.000 đồng để thanh toán tiền vay cho Ngân hàng và lấy bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về cất giữ cho đến nay. Ông, bà cho vợ chồng con trai vay mượn tiền thì có làm biên nhận do ông H ký tên vào biên nhận.

Nay tại phiên tòa, yêu cầu vợ chồng ông H và Bà T mỗi người phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông, bà là 275.000.000 đồng. Ngoài ra, đối với số tiền nợ là 300.000.000 đồng thì ông, bà không yêu cầu tính lãi, còn số tiền nợ 250.000.000 đồng thì yêu cầu tính lãi từ tháng 4/2018 đến tháng 01/2022 là 46 tháng với mức lãi suất 01%/tháng, tương ứng với số tiền lãi là 115.000.000 đồng, ông H và Bà T mỗi người phải thanh toán ½ số tiền lãi này.

***Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 10/2022/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:***

***“Căn cứ Điều 5, Khoản 1, Khoản 5, Khoản 8 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 157; Điều 165; Điều 147; Khoản 2 Điều 235; Khoản 2 Điều 244; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.***

***Căn cứ vào Điều 39 của Bộ luật Dân sự năm 2015.***

***Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Điều 53; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110; Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;***

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 26; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Ngô Hữu H được ly hôn với Bà Nguyễn Thị T.
2. Về con chung: Giao cháu Ngô Gia Hưng (nam, sinh ngày 18-10-2009) và cháu Ngô Gia Phát (nam, sinh ngày 25-02-2012) cho Bà Nguyễn Thị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi sống mình.

Ông Ngô Hữu H có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Ngô Gia Hưng (nam, sinh ngày 18-10-2009) và cháu Ngô Gia Phát (nam, sinh ngày 25-02-2012) mà không ai có quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Ngô Hữu H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Ngô Gia Hưng (nam, sinh ngày 18-10-2009) và cháu Ngô Gia Phát (nam, sinh ngày 25-02-2012) mỗi cháu hàng tháng là 1.490.000 đồng/tháng/01 cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Thời hạn cấp dưỡng được tính kể từ ngày xét xử sơ thẩm.

4. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của Bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu chia tài sản chung là phần đất và căn nhà trên đất thuộc Thửa số 430, tờ bản đồ số 53, tọa lạc tại hẻm 414, đường Nguyễn Văn Linh, Khóm 3, Phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG672489 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 14-3-2017 cho ông Ngô Hữu H và Bà Nguyễn Thị T.

5. Về tài sản chung: Ông Ngô Hữu H và Bà Nguyễn Thị T tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

6. Chấp nhận một phần yêu cầu của Ông Ngô Hữu K và Bà Bùi Thị H về việc yêu cầu thanh toán nợ.

Buộc ông Ngô Hữu H có nghĩa vụ thanh toán số tiền mượn cho Ông Ngô Hữu K và Bà Bùi Thị H với tổng số tiền là 665.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 550.000.000 đồng và tiền lãi là 115.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Ông Ngô Hữu K và Bà Bùi Thị H cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền nêu trên, hàng tháng ông Ngô Hữu H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

7. Về chi phí tố tụng: Ông Ngô Hữu H phải chịu là 1.350.000 đồng tiền xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản và ông H đã nộp xong.

*Hoàn trả cho ông Ngô Hữu H tiền tạm ứng chi phí thẩm định, định giá là 16.000.000 đồng theo Phiếu thu số T129 ngày 17-8-2021 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Ông Ngô Hữu H nhận tiền lại tại Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.*

*8. Về án phí: Ông Ngô Hữu H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001743 ngày 04-3-2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.*

*Ông Ngô Hữu H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng và án phí về nợ là 30.600.000 đồng.*

*Hoàn trả cho Bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí là 3.500.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001806 ngày 21-4-2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.”*

Ngoài ra, trong bản án còn quyết định về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 01/3/2022, ông Ngô Hữu H có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét: Về con chung: Giải quyết cho ông được quyền nuôi một con chung; về tài sản chung: Yêu cầu giải quyết chia tài sản chung là căn nhà và đất thuộc Thửa số 430, tờ bản đồ số 53, tọa lạc tại hẻm 414, đường Nguyễn Văn Linh, Khóm 3, Phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; về nợ chung: Yêu cầu buộc Bà T phải có nghĩa vụ trả ½ số tiền nợ cho Ông K và Bà H; Về chi phí thẩm định và định giá: Buộc Bà T có nghĩa vụ nộp số tiền 1.350.000 đồng.

Ngày 01/3/2022, Ông Ngô Hữu K và Bà Bùi Thị H có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu độc lập của ông, bà là buộc Ngô Hữu H và Nguyễn Thị Thừa cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ 550.000.000 đồng.

#### ***Tại phiên tòa phúc thẩm:***

Nguyên đơn ông Ngô Hữu H vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện và đơn kháng cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Ngô Hữu K và Bà Bùi Thị H vẫn giữ yêu cầu độc lập và yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ông Ngô Hữu K và Bà Bùi Thị H trình bày tranh luận: Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm đã vi phạm và thiếu sót một số thủ tục tố tụng như: Không xem xét giải quyết yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông Ngô Hữu H về chia tài sản chung là căn nhà và đất thuộc Thửa số 430, tờ bản đồ số 53, tọa lạc tại hẻm 414, đường Nguyễn Văn Linh, Khóm 3, Phường 2, thành phố Sóc Trăng, theo yêu cầu của ông H tại các đơn khởi kiện bổ sung lập ngày 25/8/2020 và ngày 07/12/2021; về giải quyết yêu cầu độc lập của Ông K và Bà H, cấp sơ thẩm chưa xác minh, thu thập đầy đủ chứng cứ để xác định số tiền nợ 550.000.000 đồng là nợ chung của ông H,



Bà T hay nợ riêng của cá nhân ông H. Vì vậy, đề nghị cấp phúc thẩm hủy một phần bản án sơ thẩm liên quan đến phần tài sản chung và nợ chung giao cho cấp sơ thẩm giải quyết lại để đảm bảo đúng quy định pháp luật và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến: Về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Ngô Hữu H về phần con chung; hủy một phần bản án sơ thẩm về phần tài sản chung và nợ chung theo yêu cầu kháng cáo của ông H, Ông K và Bà H do cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng, đồng thời giao cho cấp sơ thẩm giải quyết lại cả 02 vấn đề tài sản chung và nợ chung trong cùng một vụ án để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét nội dung đơn kháng cáo của ông Ngô Hữu H:

[1.1] Về con chung, ông yêu cầu được quyền nuôi một con chung. Nhận thấy, ông H và Bà T có 02 người con chung là cháu Ngô Gia Hưng sinh ngày 18/10/2009 và cháu Ngô Gia Phát sinh ngày 25/02/2012, trước đây các cháu sống chung với ông H và Bà T, tuy nhiên khi dịch bệnh Covid-19 thì cháu Hưng về sống chung với ông H cùng ông bà nội. Cấp sơ thẩm xác định: Trước khi cháu Hưng về sống chung với ông H thì thực tế các con đều do Bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục, cả hai cháu đều đang sống ổn định và phát triển bình thường về mọi mặt và theo nguyện vọng của cháu Hưng và cháu Phát đều muốn được sống chung với mẹ là Bà T, do vậy cấp sơ thẩm căn cứ vào khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và Gia đình giao 02 cháu cho Bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[1.2] Về tài sản chung, ông H kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của ông đối với căn nhà và đất thuộc thửa số 430, tờ bản đồ số 53, tọa lạc tại hẻm 414, đường Nguyễn Văn Linh, Khóm 3, Phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Qua xem xét các đơn khởi kiện và khởi kiện bổ sung của ông H như sau: Theo đơn khởi kiện lập ngày 27/02/2020, ông chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ hôn nhân, con chung, không có yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung; theo đơn khởi kiện bổ sung lập ngày 25/8/2020, nội dung đơn ông H trình bày và yêu cầu như sau: *“...Về nguồn gốc tài sản chung căn nhà gắn liền với đất có diện tích 119,2m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 430, tờ bản đồ số 53, tọa lạc tại hẻm 414, đường Nguyễn Văn Linh, khóm 3, phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng là mua của ông Bùi Xuân Hựu với số tiền 550.000.000 đồng là nguồn tiền vợ chồng tôi vay mượn của cha mẹ ruột tôi mua đã có kê khai tại văn bản trả lời đơn phản tố của*

*bị đơn ngày 14/8/2020...Vì vậy, nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết: Khi phân chia tài sản chung của vợ chồng tôi, phần nợ chung của cha mẹ tôi thì vợ tôi Bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ trả một nửa số nợ của cha mẹ tôi là 275.000.000 đồng theo quy định của pháp luật...*”, với nội dung nêu trên, ông H chỉ trình bày ý kiến của mình về nguồn tiền hình thành tài sản chung của vợ chồng là vay mượn tiền của Ông K, Bà H và yêu cầu Tòa án khi giải quyết yêu cầu phản tố của Bà T về chia tài sản chung thì phải buộc Bà T có nghĩa vụ trả ½ số tiền nợ là 275.000.000 đồng cho Ông K, Bà H; tiếp theo đến ngày 07/12/2021 thì ông H làm đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án chia tài sản chung là căn nhà và đất thuộc thửa số 430, tờ bản đồ số 53, tọa lạc tại hẻm 414, đường Nguyễn Văn Linh, thời điểm ông H yêu cầu khởi kiện bổ sung là sau khi Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thủ tục công khai chứng cứ và hòa giải là đã hết thời hạn được quyền yêu cầu bổ sung ngoài phạm vi khởi kiện ban đầu nên cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của ông trong cùng vụ án này mà giành quyền cho ông khởi kiện trong vụ án khác là phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Xét yêu cầu kháng cáo của ông H về chi phí thẩm định và định giá: Tại thời điểm cấp sơ thẩm tiến hành thủ tục thẩm định và định giá đối với căn nhà và đất thuộc Thửa số 430, tờ bản đồ số 53, tọa lạc tại hẻm 414, đường Nguyễn Văn Linh, Khóm 3, Phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng là phục vụ cho việc xem xét giải quyết yêu cầu phản tố của Bà Nguyễn Thị T về chia tài sản chung, nhưng ông H là người tạm ứng trước chi phí. Tuy nhiên, sau đó Bà T có đơn xin rút lại yêu cầu phản tố, do vậy bà là người phải chịu chi phí thẩm định và định giá theo quy định tại khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng cấp sơ thẩm buộc ông H chịu chi phí này là chưa đúng quy định, do vậy kháng cáo của ông về nội dung này là có cơ sở chấp nhận.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Ngô Hữu H, Ông Ngô Hữu K và Bà Bùi Thị H về việc buộc Bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ông K và Bà H ½ số tiền nợ theo quyết định của cấp sơ thẩm:

[2.1] Theo ông H, Ông K, Bà H thống nhất xác nhận: Ông K, Bà H có cho con trai và con dâu là ông H và Bà T mượn tiền tổng cộng 03 lần cụ thể: Vào ngày 22/9/2016 mượn số tiền là 100.000.000 đồng, ngày 10/02/2017 mượn là 200.000.000 đồng, ngày 23/4/2018 mượn 250.000.000 đồng để trả nợ Ngân hàng Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc dân Chi nhánh Hậu Giang; phía ông H có làm “*Giấy mượn tiền Ba Mẹ*” lập ngày 23/4/2018 và ký tên xác nhận là có mượn Ông K, Bà H tổng số tiền 550.000.000 đồng, nhưng biên nhận không có chữ ký xác nhận của Bà T và trong quá trình giải quyết vụ án Bà T không xác nhận có mượn của Ông K, Bà H số tiền nêu trên. Qua xem xét các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, phía Ông K, Bà H và ông H không cung cấp được chứng cứ chứng minh Bà T có cùng ông H mượn của Ông K, Bà H số tiền 300.000.000 đồng vào các ngày 22/9/2016 và ngày 10/02/2017, vì vậy cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông H, Ông K và Bà H buộc Bà T có nghĩa vụ thanh toán

1/2 số tiền nợ này là có cơ sở. Tuy nhiên, đối với số tiền ông H, Bà T vay Ngân hàng TMCP Quốc Dân chi nhánh Hậu Giang nợ vốn gốc và tiền lãi tổng cộng 252.300.000 đồng, Ông K đã nộp tiền thanh toán thay theo “*Giấy nộp tiền mặt*” ngày 23/4/2018 của Ngân hàng; sau khi Ông K nộp tiền thì Ngân hàng đã ra thông báo giải chấp cùng ngày báo ông H và Bà T đã hoàn thành nghĩa vụ với Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký, vì vậy Ngân hàng giải chấp cho ông H và Bà T tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa 430, tọa lạc tại hẻm 414, đường Nguyễn Văn Linh, Khóm 3, Phường 2, thành phố Sóc Trăng, Ông K và Bà H là người giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên kể từ đó cho đến nay. Qua các tài liệu, chứng cứ nêu trên thể hiện khoản nợ 252.300.000 đồng của ông H và Bà T tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc dân Chi nhánh Hậu Giang được thanh toán bằng nguồn tiền mượn của Ông K và Bà H, nay ông, bà yêu cầu ông H và Bà T phải trả lại số tiền này là có cơ sở chấp nhận. Việc Bà T trình bày, ông H là người nộp tiền trả nợ Ngân hàng, nguồn tiền trả nợ là của vợ chồng làm giành dụm mà có nhưng bà không có chứng cứ gì chứng minh cho việc này. Tại phiên tòa phúc thẩm, Ông K và Bà H đều xác nhận số tiền trả nợ Ngân hàng là ông, bà cho con trai và con dâu mượn khi nào có thì trả, chứ không phải cho vay nhưng vì khi phát sinh tranh chấp phía bà Thừa phủ nhận việc mượn tiền nên ông, bà mới yêu cầu tính lãi, xét thấy việc các bên cho mượn tiền không có thỏa thuận lãi suất và thời hạn thanh toán nên việc ông Hòa, bà Kính yêu cầu ông H, Bà T phải trả tiền lãi đối với khoản nợ 250.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Sau khi xóa thế chấp tài sản đảm bảo, Ông K và Bà H đã giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H, Bà T đối với thửa đất 430 nêu trên từ đó cho đến nay. Do vậy, khi giải quyết buộc ông H, Bà T trả cho Ông K, Bà H số tiền 252.300.000 đồng thì cần phải buộc Ông K, Bà H trả lại cho ông H, Bà T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên để đảm bảo quyền lợi của các bên.

[3] Xem xét đề nghị của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ông K, Bà H và đại diện Viện kiểm sát về việc hủy một phần bản sơ thẩm liên quan đến việc giải quyết tài sản chung và nợ chung, với các lý do: Cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng không xem xét giải quyết yêu cầu bổ sung về chia tài sản chung của nguyên đơn ông Ngô Hữu H, chưa thu thập đầy đủ chứng cứ để xác định số tiền nợ Ông K, Bà H là nợ chung của ông H, Bà T hay nợ riêng của cá nhân ông H, việc hủy một phần bản án để giao cho cấp sơ thẩm giải quyết lại yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung trong cùng một vụ án để đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Việc cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông H về việc chia tài sản chung là có cơ sở như đã phân tích nêu trên; về việc thu thập chứng cứ: Ông K, Bà H là người có yêu cầu độc lập, ông H là người có yêu cầu chia nợ chung nên các đương sự này có nghĩa vụ thu thập chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, trong trường hợp các ông, bà đã thực hiện các biện pháp cần thiết nhưng vẫn không thu thập được chứng cứ thì có thể yêu cầu Tòa án hỗ trợ theo



quy định tại Điều 6 và khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng các đương sự không thực hiện các quy định nêu trên nên cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án để giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không có vi phạm về thủ tục tố tụng; về đề nghị hủy một phần bản án sơ thẩm giải quyết về nợ chung để giao cho cấp sơ thẩm giải quyết lại cùng với yêu cầu chia tài sản chung để đảm bảo quyền lợi của đương sự, xét thấy quyền quyết định và tự định đoạt là của đương sự, trong vụ án này đương sự chỉ yêu cầu giải quyết về phần nợ chung, không có yêu cầu chia tài sản (riêng yêu cầu bổ sung của ông H chưa hợp lệ nên không được xem xét) nên thẩm quyền của cấp sơ thẩm chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi yêu cầu của đương sự theo quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, việc tách yêu cầu chia tài sản chung của đương sự ra giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu vẫn đảm bảo quyền lợi của các đương sự và cũng không ảnh hưởng gì đến việc thi hành án đối với phần nợ chung. Từ những phân tích nêu trên, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đề nghị của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ông K, Bà H và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Các phần khác trong quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của ông H, Ông K và Bà H được chấp nhận một phần nên các ông, bà không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 26, khoản 5 Điều 27, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Ngô Hữu H và chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Ngô Hữu K và Bà Bùi Thị H.

Sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 10/2022/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng như sau:

*Tuyên xử:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Ngô Hữu H được ly hôn với Bà Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Giao cháu Ngô Gia Hưng (nam, sinh ngày 18/10/2009) và cháu Ngô Gia Phát (nam, sinh ngày 25/02/2012) cho Bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi. Ông Ngô Hữu H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục cháu Hưng và cháu Phát không ai được cản trở ông thực hiện hợp pháp quyền này.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Ngô Hữu H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Ngô Gia Hưng và cháu Ngô Gia Phát định kỳ hàng tháng với mức cấp dưỡng cho mỗi cháu là 1.490.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng đối với cháu Phát được tính từ ngày 16/02/2022 (ngày tuyên án sơ thẩm), riêng đối với cháu Hưng được tính kể từ ngày Bà T tiếp nhận nuôi dưỡng cháu, cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi hoặc chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

4. Về tài sản chung: Đang sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết, nếu ông H và Bà T có yêu cầu thì được quyền khởi kiện thành vụ án khác.

5. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của Bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu chia tài sản chung là căn nhà và đất thuộc thửa số 430, tờ bản đồ số 53, tọa lạc tại hẻm 414, đường Nguyễn Văn Linh, Khóm 3, Phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG 672489 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 14/3/2017 cho ông Ngô Hữu H và Bà Nguyễn Thị T.

6. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của Ông Ngô Hữu K và Bà Bùi Thị H về việc yêu cầu ông Ngô Hữu H, Bà Nguyễn Thị T thanh toán nợ:

Buộc ông Ngô Hữu H có nghĩa vụ thanh toán cho Ông Ngô Hữu K và Bà Bùi Thị H với số tiền nợ riêng là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

Buộc ông Ngô Hữu H và Bà Nguyễn Thị T mỗi người có nghĩa vụ thanh toán Ông Ngô Hữu K và Bà Bùi Thị H số tiền nợ chung là 126.150.000 đồng/người (một trăm hai mươi sáu triệu, một trăm năm mươi ngàn đồng). Ngược lại, Ông K và Bà H có nghĩa vụ giao trả lại cho ông H và Bà T bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG672489 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 14/3/2017 cho ông Ngô Hữu H và Bà Nguyễn Thị T.

Kể từ ngày Ông Ngô Hữu K và Bà Bùi Thị H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền nêu trên, hàng tháng ông Ngô Hữu H, Bà Nguyễn Thị T còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Không chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của Ông Ngô Hữu K và Bà Bùi Thị H: Về việc buộc ông H và Bà T phải chịu tiền lãi đối với khoản nợ

chung 252.300.000 đồng (hai trăm năm mươi hai triệu, ba trăm ngàn đồng); về việc buộc Bà T cùng có nghĩa vụ liên đới với ông H trả số tiền nợ 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

7. Về chi phí tố tụng:

Bà Nguyễn Thị T phải chịu chi phí thẩm định và định giá tài sản với số tiền 1.350.000 đồng (một triệu, ba trăm năm mươi ngàn đồng), Bà T có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Ngô Hữu H số tiền này.

Ông Ngô Hữu H được nhận lại tiền tạm ứng chi phí thẩm định, định giá 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng) theo Phiếu thu số T129 ngày 17/8/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, địa điểm nhận tiền tại Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng.

8. Về án phí sơ thẩm:

Ông Ngô Hữu H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và án phí về nợ là 21.046.000 đồng (hai mươi một triệu, không trăm bốn mươi sáu ngàn đồng), tổng cộng là 21.646.000 đồng (hai mươi một triệu, sáu trăm bốn mươi sáu ngàn đồng), nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001743 ngày 04/3/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí về nợ là 6.307.500 đồng (sáu triệu, ba trăm lẻ bảy ngàn, năm trăm đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 3.500.000 đồng (ba triệu, năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001806 ngày 21/4/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Ông Ngô Hữu K và Bà Bùi Thị H phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu độc lập không được Tòa án chấp nhận, tuy nhiên ông, bà thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí.

9. Án phí phúc thẩm:

Ông Ngô Hữu H không phải chịu án phí phúc thẩm, ông được nhận lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000341 ngày 10/3/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Ông Ngô Hữu K và Bà Bùi Thị H không phải chịu án phí phúc thẩm.

10. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

11. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ

***Nơi nhận:***

- TAND TP Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TP Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP. Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Quang Nhuận**